

Phẩm Thứ 13: TRÌ

Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh hoàng kinh này, nên gọi là phẩm Trì, lại khuyên tám mươi vạn ức na-do-tha người hoàng kinh, cho nên gọi là phẩm Khuyển Trì.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Hai vạn là số ban đầu được lệnh riêng trong phẩm Pháp Sư nên phụng chỉ thọ trì; tám mươi vạn ức na-do-tha đồng với trước nhưng không được lệnh riêng, chỉ là chung tìm kiếm. Nay Phật nhãn thấy, khiến họ phát thệ nguyện lưu thông kinh ở cõi này. Sự lưu thông kinh chứng minh ý Phật rất sâu xa có hiệu nghiệm, cho nên ân cần khuyên trì. Thế nên nhờ khuyên mà hoàng kinh, vốn có hai ý. Văn chia làm hai phần: 1. Thọ trì. 2. Khuyển trì.

Phần Thọ trì chia làm ba: 1. Hai vạn Bồ-tát phụng mệnh ở cõi này trì kinh. 2. Năm trăm La-hán, tám ngàn Thanh văn phát nguyện ở cõi khác lưu thông. 3. Chư ni thỉnh Phật thọ ký.

Hỏi: Các Thanh văn này đã thành Đại sĩ, vì sao không thể ở cõi này hoàng kinh?

Đáp: Do vì dẫn hàng sơ tâm mới hành đạo Bồ-tát, chưa thể ở trong đời ác khổ hạnh lưu thông kinh, lại muốn khai mở phẩm An Lạc Hạnh. Phần Khuyển trì có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có năm ý: 1. Phật nhãn nhìn thấy. 2. Bồ-tát muốn được phép lưu thông kinh. 3. Đức Phật im lặng. 4. Bồ-tát biết ý. 5. Phát thệ nguyện lưu thông kinh. “Đức Phật chỉ nhìn im lặng khuyên mà không nói”, nghĩa là “hãy làm” từ trước đến nay tuy không ra lệnh cụ thể, mà nêu công đức trì kinh sâu dày, dẫn chứng rõ ràng. Đức Đa Bảo và phân thân từ xa đến khuyên phát. Đây là sự ân cần, nghĩa đã đủ. Có muốn tức ứng với ra lệnh truyền bá, liền phát nguyện không phiến nói lại. Lại, nguyện sẽ hộ trì hàng Thanh văn ở phương khác, cho nên không nêu lên.

Kệ có hai mươi hàng: thỉnh hộ trì kinh, chia làm bốn phần, không cần phân chia nhỏ hơn, theo văn có thể hiểu. 1. Mười bảy hàng, tụng: Mặc áo Nhẫn hoàng truyền kinh. 2. Một hàng, vào nhà hoàng kinh. 3. Một hàng, ngồi tòa hoàng kinh. 4. Một hàng, tổng kết thỉnh Phật biết.

Kinh Trung A-hàm quyển sáu nói: “A-lan-nhã” Trung hoa dịch Vô sự. “Đâu-đà”, Trung hoa dịch Đẩu Tẩu. Kinh Bảo Vân quyển sáu nói: “Tỳ-kheo ở chỗ A-luyện-nhi thấy vua, con vua, Bà-la-môn và tất cả mọi người đến, Tỳ-kheo nói: “Lành thay! Có thể ngồi đây”. Các vị kia đến liền cùng ngồi, nếu họ không ngồi thì Tỳ-kheo cũng không

ngồi, vì họ thuyết pháp khiến họ hoan hỷ. Sau khi Phật diệt độ, ở đời ác, Tỳ-kheo không giữ đúng pháp. Tuy thuyết giới pháp mà là để được vật thực. Đối với giới pháp thì không ưa hành trì, thứ đến năm phần pháp thân và hết thấy đạo pháp khác cũng như thế. Như người ngạt mũi, nói gỗ chiên-đàn thơm, tự mình không ngửi được hương thơm mà cũng không tự biết gỗ chiên-đàn. Thiên, nhân long, thần, Cưu-bàn-trà mãi mãi không cúng dường người không trì giới. Bốn phần còn lại cũng nói như vậy. Không có ai đem diệu pháp đến, vì không có tịnh giới sinh khởi. Bốn phần còn lại cũng như vậy. Giả sử có người sắp chết, bệnh rất nặng, đau đớn khổ não bức bách không thoát khỏi được. Niệm Phật Tam-muội bình thường cũng không xả bỏ được tất cả khổ. Tâm mình quyết định tất cả. Người kia nếu tự hiểu pháp ấy, thì biết tất cả pháp Không.

Mặc áo giáp nhần nhục: Kinh Trung A-hàm quyển năm nói: “Có vị Tỳ-kheo tên Hắc Sĩ mách với đức Phật: Xá-lợi-phất mắng con, chửi con.” Đức Phật liền gọi ngài Xá-lợi-phất đến, hỏi “thật có mắng chửi vị kia không?”. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Người tâm không định thì đôi khi có mắng chửi, tâm con đã định thì sao có thể mắng chửi, như con trâu đã bị bẻ gãy sừng thì không thể húc quấy rầy con người, như trẻ con tàn tật hổ thẹn thì không làm phiền não người. Tâm con ví như đất, dù cho nước, gió, lửa, tịnh hay bất tịnh, đại tiểu tiện lợi, nước miếng, khạc nhổ thì đất đều thọ nhận mà không mắng chửi. Tâm như chổi quét, tịnh bất tịnh đều quét. Lại nữa, như cái bát nứt đựng súp để giữa trời nắng, thì từng giọt từng giọt luôn rơi xuống, con tự quán sát chín lỗ thường chảy bất tịnh, thì tại sao con lại mắng chửi người khác? Lại, như xác rắn, chó chết... buộc vào cổ sạch của trẻ con, xấu hổ thẹn thì chẳng mắng chửi người khác”.

Đức Phật hỏi: Đối với người ác như thế, ông quán thế nào?

Đáp: Người có năm hạng: 1. Đối với người mà thân thiện, khẩu ý bất thiện, thì ta chỉ nghĩ đến thân thiện của người ấy, mà không nghĩ đến khẩu ý bất thiện của người ấy. Như Tỳ-kheo may y, thấy tấm lụa rách nơi đồng phân dơ, tay phải cầm lên, tay trái căng ra, cắt bỏ chỗ dơ lấy chỗ sạch mà dùng. Nghĩ đến dùng thân thiện của người đó, để trau dồi thân mình. Xả bỏ khẩu ý bất thiện kia để răn bảo khẩu ý mình. 2. Đối với người khẩu thanh tịnh, thân ý bất tịnh, thì con chỉ nhớ đến khẩu của họ và bỏ thân ý kia, như người khát nóng mà gặp ao nước đầy cỏ, dùng tay mang cỏ nhúng nước rưới lên thân cho mát đỡ khát. 3. Ý tịnh, thân khẩu bất tịnh, thì cũng niệm ý kia không niệm thân khẩu, như

người đi bộ nóng khát, chỉ có ít nước ở dấu chân trâu nếu ta dùng tay vốc lên thì nước đục, nghĩ vậy nên hai chân quỳ xuống hai tay chống đưa miệng hợp uống để trừ nóng khát. 4. Có người nếu ba nghiệp đều bất tịnh, nếu không thể dùng nên nghĩ đến nỗi thống khổ của họ, như giữa đường thấy người bệnh bèn để nằm yên ổn, lại nghĩ bất tịnh đây khiến được gặp thiện tri thức trị lành ba nghiệp kia chớ khiếp, đọa lạc vào ba đường. 5. Cả ba nghiệp đều tịnh: Thường niệm người này để huấn thị bản thân mình hướng chi người ấy hoàn thiện, lại càng mong cứu giúp, như ao nước trong mát có hoa cỏ, người nóng khát vào trong đó nghĩ ngơi thoải thích. Thường niệm cảnh giới để xả bỏ ác của tự thân, đây là ý trong Tam tạng dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, Không, làm áo giáp vậy.

Luận Tỳ-Bà-Sa quyển tám nói: “Nghĩ đến mắng là một lời nói, còn ngoài ra là tiếng kêu gọi, suốt ngày tiếng kêu gọi ấy đối với ta có nghĩa gì? Lại lời nói phượng đây là thấp kém xấu xa, phượng khác là lời xưng tán. Nếu ta nghĩ đây là lời thấp kém, thì không có chỗ nào vui. Lại nên quán chữ “mắng” đây như đảo ngược, thì chữ này liền thành lời tán thán. Lại mắng là một chút ít phần của “giới”, một chút phần của “nhập”, một chút phần của “ấm”. Mắng là phần ít, không mắng thì nhiều. Lại ai thành tựu mắng? Người mắng đã thành tựu. Thành tựu tự nơi người ấy thì đối với ta là gì? Lại “mắng” là một chữ, một chữ không thành mắng, hai chữ thành mắng, không thể một lúc mà nói hai chữ, khi nói chữ sau, thì chữ trước đã mất. Lại năng mắng (chủ thể) và sở mắng (khách thể) nhất thời đồng một sát na đều diệt, ở ta là gì? Các thứ như vậy đều dùng “Không” làm áo giáp. Quyển mười bảy nói: “Phàm, Thánh đều có ba loại thọ, khác biệt thế nào? Phàm phu thì đối với khổ thọ có hai: 1. Thân thọ khổ. 2. Tâm thọ ưu bi, như mũi tên tam độc, mất vui thì giận, được vui thì mừng không khổ không vui thì si. Hàng Thánh nhân thì chỉ có thân thọ mà không có tâm thọ, đối với khổ thì không sân, đối với vui thì không tham ái, đối với cảnh không khổ không vui thì không si, ba sử không thể sai khiến, đối với sử được giải thoát. Cho nên giữa phàm và Thánh có sai khác”. Các thứ như đây bình đẳng có không sai khác với nhau, đây là dùng Biệt giáo làm áo giáp. Kinh này nêu áo giáp, là dùng niệm Phật làm áo giáp, là niệm pháp Phật Đệ nhất nghĩa, vì Phật tức là pháp. Văn nói: “Niệm (nghĩ) lời Phật dạy bảo, tức là Pháp vậy. Phật tức là Tăng, Tăng tức sự lý đều hòa, tức Tỳ-lư-giá-na Phật biến khắp tất cả chỗ. Như thế mặc một áo giáp này, tức mặc tất cả áo giáp, là áo giáp Viên giáo vậy”.

Phẩm Thứ 14: AN LẠC HẠNH

Giải thích tên phẩm này theo ba cách: Y sự, phụ văn, pháp môn.

1. Y sự: là thân không nguy hiểm nên “an”, tâm không ưu não nên “lạc”, thân an tâm lạc cho nên năng tiến “hạnh”.

2. Phụ văn: mặc y Như Lai thì Pháp thân “an”, vào nhà Như Lai cho nên giải thoát tâm “lạc”, ngồi tòa Như Lai cho nên Bát-nhã dẫn “hạnh” tiến. Đây là phụ văn phẩm trên giải thích. Trụ nhẫn nhục địa cho nên thân “an”, mà không bộc phát cho nên tâm “lạc”, quán thật tướng các pháp cho nên “hạnh” tiến.

3. Pháp môn: “An” gọi là bất động, “lạc” gọi là vô thọ, “hạnh” gọi là vô hành. Bất động: đối với lục đạo sinh tử, nhị thánh Niết-bàn đều không thể động, vì không duyên nhị biên thì thân không lay động. Văn trên nói: Thân thể và tay chân yên lặng an ổn bất động, tâm kia thường chẳng động, chưa từng có tán loạn, thì an trú bất động như đảnh Tu-di, thường trú pháp môn bất động. “Lạc”: diệu dụng rộng lớn của Tam-muội không thọ. Không thọ năm thọ của phàm phu, cho đến trong Viên giáo năm thọ sinh kiến cũng đều không thọ. Vì có thọ thì có khổ, không thọ thì không khổ, không khổ không lạc thì mới gọi là đại lạc. Vô hành: nếu có sở thọ thì có sở hành, không thọ thì không sở hành. Không hành hạnh phàm phu, không hành hạnh Thánh hiền, cho nên nói vô hành, mà hành Trung đạo, cho nên gọi là hành, tức pháp môn vậy.

Đây lại giải thích rộng theo sự: “An lạc”, tức Đại Niết-bàn, từ quả đặt tên. “Hạnh” tức đạo Niết-bàn, từ nhân mà đặt tên. Các nhân quả khác đều khổ. Như hạng ngoại đạo chấp thường kiến, hành khổ hạnh, lại đắc quả khổ. Hoặc nhân lạc quả khổ, như hạng ngoại đạo chấp đoạn kiến, buông lung tình ý, hưởng lạc, sau đắc báo khổ. Hoặc nhân khổ quả lạc, như nhị thừa chiết phục pháp, vô thường vụng độ gia công khổ đến tột bậc rồi mới nhập Niết-bàn. Nay nói “An lạc hạnh” là nhân quả đều lạc, tức là như thật khéo độ trong kinh Đại Phẩm. Đại Kinh nói: “Quyết định khổ mà tu hành, gọi là phàm phu; khổ vui tu hành là Thanh văn Duyên giác, quyết định vui mà tu hành, là các Bồ-tát”. Nếu thất phương tiện thô nhân thô quả, đều không phải An lạc hạnh. Riêng chỉ diệu nhân, diệu quả, gọi là “An lạc hạnh”.

Lại rộng Phụ văn giải thích: “An lạc hạnh” là đạo Niết-bàn, Niết-bàn có ba nghĩa, gọi là ba đức bí tạng. “Hạnh” có ba nghĩa, gọi là Chỉ hạnh, Quán hạnh, Từ bi hạnh. Chỉ hạnh: ba nghiệp nhu hòa, trái ngược với cái từ trước đến nay, đều vắng lặng tức là thể Pháp thân hạnh, tức

văn trên nói “mặc áo Như Lai”. Quán hạnh: Trí tuệ nhất thật tướng vô phân biệt quang, tức thể Bát-nhã hạnh, tức là văn trên nói “ngôi tòa Như Lai”. Từ bi hạnh: bốn hồng thệ nguyện rộng độ hết thấy, là thể Giải thoát hạnh, tức văn trên nói “vào nhà Như Lai”. Tổng quát ba hạnh này là đạo Niết-bàn, tổng ba đức là cảnh của hạnh. Cảnh gọi là “An lạc”, đạo gọi là “hạnh”.

Đại luận nói: “Bồ-tát từ khi sơ phát tâm thường quán Niết-bàn, khi hành đạo nhân thì dụng ba hành pháp này dẫn dắt ba nghiệp làm hạnh. Ba nghiệp tịnh tức là tịnh sáu căn. Sáu căn nếu tịnh thì phát sinh tướng tự giải và được nhập chân. Quả khi ấy gọi là Phật nhân nhĩ... Nhân gọi là Chỉ hành, quả gọi là Đoạn đức. Nhân gọi là Quán hạnh, quả gọi là Trí đức. Nhân gọi là Từ bi hạnh, quả gọi là Ân đức. Lại nữa, nhân gọi là tam nghiệp, quả gọi là tam mật. Nhân đó là từ bi dẫn dắt ba nghiệp lợi tha, quả đó gọi là tam luân hóa độ bất tư nghi. Khi quán như vậy, thì không còn phân biệt, trong tất cả pháp đều có tánh an lạc. Hết thấy chúng sinh tức đại Niết-bàn, không thể lại diệt, hành ở phi đạo mà thông đạt Phật đạo, đây tức tuyệt đãi mà nêu An lạc hạnh. Hạnh này hợp nghĩa Niết-bàn. Kia nói: “Lại có một hạnh là Như Lai hạnh, Như Lai là người, an lạc là pháp. Như Lai là người an lạc, an lạc là pháp của Như Lai. Tóm lại mà nói thì nghĩa kia không khác, nghĩa riêng cũng không khác. Đây nêu pháp Tịch diệt nhĩ, tòa Không, nhà Như Lai. Kia nêu cây báu vàng bạc, cây báu tức rừng báu vô lậu. Vô lậu hợp với Không, Tịch diệt nhĩ. Cát bằng vàng ở sông lớn chảy thẳng vào biển Tây, tức nhất thật tuệ hợp với các pháp Không. Nữ nhân đắc đạo thì không còn siểm khúc, đây là vô duyên đại từ hợp với nhà Như Lai. Kia gọi là nghĩa vô dư, đây gọi là vô thượng đạo. Lại, năm nghĩa của hạnh cũng cùng hợp với ý “áo, tòa, nhà của Như Lai”.

Hỏi: Đại kinh nêu như người thân cận phụ giúp quốc vương cầm cung mang tên để hàng phục người ác, Kinh này thì nói: Bồ-tát xa lìa nhà hào thế, khiêm hạ từ thiện. Sự cương nhu trái ngược, vì sao không khác?

Đáp: Đại kinh thiên luận về sự chiết phục trụ ở giai vị “Nhất tử địa” (thương chúng sinh như đứa con duy nhất của mình), có bao giờ không nhiếp thọ đâu? Kinh này thiên nói nhiếp thọ, ban đầu phá bảy phần không phải không có chiết phục, đều nêu lên một đầu mỗi thích hợp thời mà thôi. Về lý ắt đầy đủ Tứ Tất-đàn: làm sao thích ứng thời xứng hợp, tức là ý Thế giới Tất-đàn, nhiếp thọ tức ý Vị nhân, chiết phục tức ý Đối trị, ngộ đạo tức ý Đệ nhất nghĩa Tất-đàn.

Rộng giải thích theo pháp môn: Đáng lẽ nêu Bất động môn, Bất thọ môn, Bất hành môn, mà lược không ghi chép. Phẩm đây là ý thứ tư trong phần Tích môn lưu thông. Nếu hai vạn, tám mươi ức na-do-tha Bồ-tát nhận sứ mệnh hoàng kinh, hiểu sâu quyền thật, rộng biết tiếm đốn. Lại, thấu đạt cơ duyên, thần lực tự tại, đời ô trược nào loạn cũng không ngăn chướng việc lưu thông kinh, Không cần đợi lại thêm chỉ bày phương pháp. Nếu ban đầu nương vào sơ tâm, muốn tu viên hạnh, vào đời ô trược hoàng truyền kinh điển, bị ô trược làm não loạn, tự hành không vững cũng không có công hóa độ, thì vì hạng người này mà chỉ bày phương pháp nói rõ hạnh an lạc, cho nên có phẩm này. “An lạc hạnh” này có thứ lớp gì? Tuy nhiên, Pháp Hoa là viên hạnh, một hạnh là vô lượng hạnh, bất khả tư nghì, làm gì có định trước sau? Nay tạm nêu một mối, phẩm Pháp Sư lược nêu hoàng kinh, thì lấy sự lợi ích cho người khác làm căn bản. Như ánh sáng vào nhà, trong đây phân rõ đời ác hoàng kinh an ổn, không bức não. Trước mặc áo Như Lai, tức trước sau xen nhau hiện đó thôi! Nếu căn cứ thứ lớp của các hạnh, thì “các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”. Nếu khởi tướng trái ngược tịch diệt, thì nên trước dùng Bát-nhã mà dẹp sạch mọi liên lụy, tức là ban đầu ngồi tòa các pháp không sinh, mà Bát-nhã sinh đồng thể từ bi, vì thương xót chúng sinh mà hành đạo, tức tiếp theo là “vào nhà Như Lai”. Vì dùng từ bi hóa độ chúng sinh ắt phải tiếp xúc nghịch cảnh đi theo, quyết phải an nhẫn, tức tiếp “mặc áo Như Lai”. Tuy nói “tiếp theo” như thế nhưng đây chẳng phải thời gian của hành vi, vì khi vào nhà Như Lai tức đầy đủ tất cả pháp, hướng chi là từ bi nhẫn nhục ư?

Bốn hạnh an lạc:

- Xưa nói:

1. Giả thật nhị không làm thể.
2. Thuyết pháp làm thể.
3. Lìa lỗi làm thể.
4. Từ bi làm thể.

- Sư Cơ nói:

1. Không.
2. Lìa kiêu mạn.
3. Trừ tật đố.
4. Đại từ bi.

- Sư Long nói:

1. Thân xa lìa các việc ác, dần dần gần lý Không.
2. Trừ lỗi của miệng.

3. Trừ ý tạt đổ.

4. Khởi từ bi.

- Sư Nam Nhạc nói:

1. Không chấp đắm chánh tuệ.

2. Miệng không nói lỗi.

3. Kính trên nhường dưới.

4. Đại từ bi.

- Sư Thiên Thai nói: Chỉ, Quán, Từ bi dẫn dắt ba nghiệp và thệ nguyện. Thân nghiệp có Chỉ, cho nên lìa thân nghiệp thô, có Quán cho nên không đắm thân, không đắm thân nghiệp, không đắm năng lý. Vì không sở đắc, cho nên không rơi vào phàm phu, có Từ bi nên siêng tu thân nghiệp, rộng làm lợi ích tất cả chúng sinh không rơi vào nhị thừa. Có Chỉ hạnh cho nên “mặc áo nhẫn nhục”, có Quán hạnh cho nên “ngồi tòa Như Lai”, có Từ bi cho nên “vào nhà Như Lai”. Chỉ hạnh lìa lỗi, tức thành Đoạn đức. Quán hạnh không chấp, thì thành Trí đức. Từ bi lợi tha, tức thành Ân đức. Ân đức giúp thành Trí đức, Trí đức năng thông đạt Đoạn đức, đó gọi là thân nghiệp an lạc hạnh. Khẩu nghiệp, ý nghiệp, thệ nguyện cũng lại như vậy”.

Văn của phẩm này có hỏi có đáp. Trong câu hỏi thì trước tán thán các vị Bồ-tát trong phẩm trước hành sâu hạnh Bồ-tát có thể hoằng truyền kinh như thế, sau mới hỏi các Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát còn nông cạn vào đời ác tuyên thuyết kinh này như thế nào?

Từ “Phật bảo” trở xuống, là phần đáp, lại chia làm ba phần:

1. Nêu chương hành bốn hạnh.

2. Giải thích phương pháp tu hành.

3. Tổng nêu tướng hành thành tựu.

Phần một: Nêu chương, như văn. Từ “Một, an trụ” trở xuống, là phần hai: Giải thích phương pháp, tức là bốn loại riêng.

- Văn lại chia làm hai:

1. Giải thích phương pháp tu hành.

2. Kết hạnh thành.

Phần phương pháp tu hành có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng lại có hai:

1. Nêu Hành xứ, Cận xứ.

2. Từ “Văn-thù” trở xuống: giải thích Hành xứ, Cận xứ.

Phần Nêu: như văn.

Phần Giải thích, lại chia làm hai: Hành xứ, Cận xứ. Hoặc nói nội phạm ban đầu hành, gọi là “Hành xứ”. Nếu từ lâu đã tu tập thuần thực,

dần dần có thể gần lý, thì gọi là “Cận xứ”, dẫn “hành cận quả” trong phẩm trước làm ví dụ. Hoặc nói Hành xứ căn cứ nhân, Cận xứ căn cứ quả; Hành xứ nêu trí, Cận xứ nêu cảnh. Sư Dao nói: “Thất trụ trở lên, tâm thể ở nơi lý”, gọi là “Hành xứ”. Đã vượt qua Phần đoạn, từ đây đã trở lại vô sinh, nhưng chưa có thể hiện tiên, dần dần gần với lý, gọi là “Cận xứ”. Đồng là phân đoạn, hai thứ này là hạnh ban đầu chung làm một an lạc hạnh. Theo ý riêng, thì nhà sư đầu tiên giải thích coi Hành xứ là cận, như Đại kinh nói: “Hàng Thập địa Bồ-tát dùng Hành xứ, cho nên thấy không rõ ràng”. Nên biết Hành xứ thì không cận. Nhà sư sau giải thích coi Cận xứ là cận. Như kinh Tịnh Danh nói: “Cận trí tuệ Phật tự tại vô đẳng đẳng”. Đây thì Cận xứ lại thành sâu. Nếu hai hạnh đều sâu, thì thành hạnh hồng kinh của Bồ-tát ở phẩm trước mà không liên quan đến phương pháp của hàng sơ tâm. Nếu hai hạnh đều cận, thì sở hành của người thất phương tiện đâu có liên quan gì đến phương pháp Viên hành, cho nên không thể căn cứ thiên lệch vào sâu cận. Nhưng “hành” gọi là tiến thú, “cận” gọi là gần gũi làm quen. Gần gũi làm quen cho nên tiến thú, tiến thú cho nên gần gũi làm quen, thì có gì là cận với sâu?!

Lại nữa Hành xứ và Cận xứ là phương pháp bậc thượng. Hành xứ là áo Như Lai. Cận xứ là tòa Như Lai. Tòa áo đã không sâu cận, thì Hành xứ cận xứ đâu được hơn kém. Lại, nhẫn nhục ắt bên trong thì ôm ấp chí lý, trải duyên thì nhẫn nại mọi sự; gọi đó là “Hành xứ”. Tòa Không, ắt thể nghiệm thấu đạt ngoại duyên, dừng lại nghỉ ngơi ở chân cảnh; gọi đó là “Cận xứ”. Bởi sự lý hỗ tương hiển hiện, thì có gì sâu cận? Nếu vậy, vì sao phân biệt Hành xứ và Cận xứ? Vì đến lý lược thuyết, gọi là Hành xứ, phụ thêm sự rộng thuyết, gọi là Cận xứ. Thuyết thì có rộng lược, lý thì không có sâu cận.

Dưới đây là ba cách giải thích Hành xứ:

- Thứ nhất: Trực duyên nhất đế, nhất đế làm chỗ quay về của tất cả, làm nguồn gốc cho tất cả mà cùng khắp không phân biệt. Chỗ quay về của tất cả: tức “Nhẫn nhục địa”. Địa tức trung đạo, các pháp đều trở về đó, cho nên gọi là “địa”. Các hành dừng nghỉ, cho nên gọi là “nhẫn nhục”, đây tức là hạnh “hành mà bất hành”. Làm nguồn gốc cho tất cả: như vạn vật từ đất mà sinh trưởng, các hạnh đặc lý mà thành. Nếu đặc lý bản, thì ở cương mà năng nhu, ở nghịch mà năng thuận, ở bạo mà năng trị, ở kinh sợ mà năng an ổn. Vô lượng công đức từ địa Trung đạo mà sinh. Địa vô sở sinh mà sinh công đức, tức hạnh “bất hành mà hành”. Cùng khắp không phân biệt: tức không phân biệt tướng sai biệt

giữa bất hành và hành, cho nên nói: “Lại nữa, không hành là không phân biệt...” tức là phi hành phi bất hành, không có ba hành mà ba hành, cho nên gọi là “hành”. Đồng nhất thật đế, cho nên gọi là “xứ”. Hành xứ như thế thì hợp với văn kinh bên trên. Dừng nghĩ các hành, thì hợp với áo Như Lai. Tùy sinh công đức, thì hợp với nhà Như Lai. Cùng khắp không phân biệt, thì hợp với tòa Như Lai. Đây là căn cứ một pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

- Thứ hai: Căn cứ hai pháp, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn, hai nhẫn tức Sinh không và Pháp không. Hai Không này khác với Nhị thừa. Vì sao? Vì Nhân không và Pháp không của Nhị thừa thì căn cứ chân tục giả thật. Ở đây hai Không, hai Nhẫn đều kiến Trung đạo, cho nên không đồng Nhị thừa. Nếu lại khai, thì là bốn nhẫn. Nếu làm năm nhẫn, thì chỉ chữ “thiện” làm Tín nhẫn. Nếu làm sáu nhẫn, thì chỉ chữ “hòa” làm Hòa tòng nhẫn. Nếu đối địa, thì chia làm bốn mươi hai nhẫn. Một địa vẫn có công đức của bốn mươi một địa kia, thì một nhẫn sao lại không có pháp của bốn mươi một nhẫn kia? Nay tạm căn cứ bốn nhẫn để giải thích văn, đó là Phục nhẫn, Thuận nhẫn, Vô sinh nhẫn, Tịch diệt nhẫn. Bốn nhẫn đây khác với Biệt giáo; hai nhẫn trước ở giai vị Sinh nhẫn, là cạn; hai nhẫn sau ở giai vị Pháp nhẫn, là sâu. Nay theo Viên giáo, thì Sinh, Pháp đều thông, bốn nhẫn cũng thông. Vì sao? Vì lý nhị Không tức là Trung đạo. Hàng Sơ trụ tu bốn nhẫn vào Trung đạo kiến lý nhị Không cho đến hàng Hậu tâm cũng cùng tột lý nhị Không. Đại kinh nói: “Phát tâm và Tất cánh, cả hai không có sai biệt”. Nếu căn cứ cạn sâu mà xét bốn nhẫn, thì: Từ sơ phát tâm, viên phục ngũ trụ phiền não cho đến Kim cang đỉnh, đều gọi là Phục nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không trái với thật tướng, gọi là Thuận nhẫn. Từ đầu đến cuối đều không khởi tâm nhị biên, gọi là Vô sinh nhẫn. Từ đầu đến cuối đều thôi dứt các hành, gọi là Tịch diệt nhẫn. Nghe sinh tử mà không vội bộp chộp sợ khổ, nghe Niết-bàn mà không vội bộp chộp chứng lạc, nghe đức Phật nói thường và vô thường, nhị thừa thành Phật, không thành Phật, nghe sinh tử Niết-bàn khác và không khác, nghe Phật đạo lâu mau, dài ngắn, khó dễ, không dài không ngắn, chẳng khó chẳng dễ... mà đều không kinh sợ. Hành hạnh này, từ đầu đến cuối dùng lý nhị Không, nhẫn các pháp, tức là mặc áo Như Lai. An trú lý nhị Không, tức là ngồi tòa Như Lai. Thương xót chúng sinh, tức là vào nhà Như Lai. Nhị không và bốn nhẫn, gọi là “Hành”, lý tức là “xứ”. Đây là căn cứ hai pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

- Thứ ba: Căn cứ ba pháp. Ba pháp tức Tam đế bất tư nghì, trụ

Nhẫn nhục địa mà tổng luận tam đế, như có địa có thể căn cứ thì mới năng nhẫn nhục. “Nhu hòa khéo thuận”: Khéo thuận chân đế, năng nhẫn hư vọng kiến ái lạnh nóng..., cho nên nói “khéo thuận”. “Mà không bộp chộp, không ngang ngược, tâm không kinh sợ”: An nơi tục đế, nhẫn các căn duyên, xứng thích cơ nghi, cho nên nói “không bộp chộp, không ngang ngược”. Vì thể nghiệm được sự nhẫn khi gặp cảnh trái ngược, cho nên “tâm không sợ”. “Đối với các pháp không còn sở hành”, tức an ở Trung đế, năng nhẫn nhị biên, cho nên nói “không còn sở hành”. Chánh trụ Trung đạo, cho nên nói “quán thật tướng”. Cũng không đặc trưng thật, cho nên nói “không phân biệt”. Đây là căn cứ vào địa của tam đế, gọi là “xứ”, nhẫn nhục ngũ trụ gọi là “hành”.

Hành cũng có ba:

1. Chỉ hành: tức hành mà bất hành.

2. Quán hành: tức phi hành phi bất hành.

3. Từ bi hành: tức bất hành mà hành, hợp với nghĩa áo, tòa, nhà Như Lai bên trên. Đây gọi là căn cứ ba pháp mà giải thích “Hành xứ” là phương pháp hoằng kinh.

Sư Long nói: “Trú Nhẫn nhục địa, tổng nêu Sinh Pháp hai nhẫn”. Tức dưới phân rõ nhị nhẫn. “Nhu hòa khéo thuận” là nêu thân nghiệp. “Mà không vội vàng” là nêu khẩu nghiệp, “Tâm cũng không sợ” là nêu ý nghiệp. Đây căn cứ ba nghiệp mà nêu tu Sinh nhẫn. “Đối các pháp không còn sở hành” là không có hành hữu tướng. “Mà quán như thật tướng” là hành “Không” bình đẳng. “Cũng không hành không phân biệt”, là không có hành vô tướng. Có và không, cả hai đều mất thì hợp với Trung đạo. Ba câu này nêu tu Pháp nhẫn, đặc hai nhẫn ấy, kết là “Hành xứ”. Sư Long nêu hai nhẫn, chưa biết căn cứ vào đâu? Nếu hai nhẫn theo Tam giáo, thì hoàn toàn chẳng phải nghĩa Pháp Hoa. Nếu căn cứ Viên giáo, thì không nên cách biệt không dung nạp.

Từ “Thế nào gọi là Thân cận xứ” trở xuống, là giải thích Cận xứ. Văn chia làm ba phần. Phần một: Viễn y mười thứ làm não loạn, tức là nêu viễn để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Giới môn, trợ quán. Phần hai: Tu nhiếp tâm kia, tức là nêu cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Định môn, trợ quán. Phần ba: Quán tất cả pháp “không”, tức là nêu chẳng viễn chẳng cận để luận về “Cận”, cũng là phụ thêm Tuệ môn, trợ quán. Bên trên là trực duyên lý, trụ Nhẫn nhục địa. Đây là Giới môn, rộng nêu các duyên xấu nên tu viễn ly, chẳng cầm đao trượng cũng không xả bỏ, chỉ dùng chánh tuệ mà viễn ly nó. Nên biết nêu viễn cận là để rộng nêu nghĩa “hành sở bất hành” bên trên. Bên

trên nêu thẳng không bộn chộn, không ngang ngược, không kinh sợ. Ở đây Định môn rộng nêu tu định tâm, tu định xứ, tu định yếu môn, do vì định lực nên ở chỗ ngang ngược mà trị, ở chỗ kinh sợ mà an. Nên biết tức cận luận cận, rộng nêu nghĩa bất hành mà hành. Trên nêu thẳng “vô sở hành”, nay rộng quán tất cả không, đầy đủ trải qua các cảnh, vô lượng vô biên vô ngại vô chướng. Nên biết là chẳng viễn chẳng cận, rộng nêu nghĩa phi hành phi bất hành bên trên.

Thứ nhất: Có mười thứ nên xa lìa:

1. Hào thế.
2. Người tà, Pháp tà.
3. Hung dữ nguy hiểm hý loạn.
4. Hạng Chiên-đà-la.
5. Chúng nhị thừa.
6. Dục tưởng.
7. Hạng không phải nam.
8. Sự nguy hại.
9. Hạng người cơ hiềm.
10. Hạng người nuôi súc sinh...

“Lộ-già-gia”, Trung hoa dịch Ác luận, cũng gọi là Phá luận. “Ng- hịch lộ”: Là luận về nghịch với vua cha. Lại, “Lộ” gọi là thiện luận, cũng gọi là Sư phá đệ tử. “Nghịch lộ” gọi là Ác luận cũng gọi Đệ tử phá sư. “Na-la”: người múa hát diễn kịch, cũng gọi là “Thải họa” (người hóa trang với nhiều màu sắc lòe loẹt, người xăm mình), thân biến hóa sai khác. Lại nói: Gồm cả hạng người làm trò xiếc, ảo thuật. Phân mười thứ làm hai bên: chín thứ thuộc sinh tử, một thứ thuộc Niết-bàn. Cả hai đều viễn ly, tức là tên khác của Tịch diệt.

Quán tâm giải thích mười thứ... Phần hai: Cận cận xứ, có ba ý...(Không chép ra đây. Độc giả tự tìm hiểu vậy.)

